

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG BÌNH 30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

TS. NGUYỄN ĐỨC LÝ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình

Ngay từ những ngày đầu tái lập tỉnh và trở về với địa giới cũ theo Quyết định của Quốc hội (1/7/1989), Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã cùng chung lưng đấu cật khắc phục khó khăn, thiếu thốn để huy động mọi nguồn lực vào công cuộc xây dựng lại quê hương ngày càng giàu đẹp, trong đó khoa học và công nghệ (KH&CN) giữ một vai trò hết sức quan trọng, là động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm đầu, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đứng trước nhiều khó khăn, với xuất phát điểm thấp hơn so với các địa phương trong cả nước; đội ngũ cán bộ khoa học nói chung và cán bộ làm công tác quản lý KH&CN nói riêng còn ít, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn thiếu nhiều.

Tuy vậy, nhờ có các chủ trương, đường lối đúng đắn về phát triển KH&CN của Đảng; dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực và sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình, sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ Bộ KH&CN và sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, các cấp, các địa phương, của

đội ngũ cán bộ KH&CN trong tỉnh, trải qua 30 năm xây dựng và phát triển, có thể khẳng định hoạt động KH&CN đã có bước phát triển mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu to lớn, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của tỉnh nhà.

Về tăng cường tiềm lực và nâng cao năng lực hoạt động KH&CN

Nguồn nhân lực KH&CN tỉnh Quảng Bình đã gia tăng về số lượng và nâng lên về chất lượng. Tính đến ngày 1/4/2019, số lượng người lao động có tay nghề trên địa bàn toàn tỉnh là 221.460 người (chiếm 24,7% tổng dân số). Trong đó: trình độ sơ cấp: 43.933 người (chiếm 4,9% dân số); trình độ trung cấp: 51.106 người (chiếm 5,7% dân số); trình độ cao đẳng: 28.691 người (chiếm 3,2% dân số); trình độ đại học trở lên: 97.730 người (chiếm 10,9% dân số), trong đó trên đại học: 7.173 người (chiếm 0,8% dân số). Đây là nguồn nhân lực KH&CN rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng tỉnh Quảng Bình ngày càng giàu mạnh trong thời gian tới.

Mở rộng môi trường đầu tư, phát huy nội lực tự cường, đất nước dâng hoa mừng Đảng

Nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, quê hương trứ quả mừng Xuân

PHAN THANH TỊNH

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, hệ thống các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm chất lượng và kiểm định, hiệu chuẩn đo lường đã được đầu tư trong suốt 30 năm qua khá đầy đủ và cơ bản đáp ứng khoảng 80% yêu cầu công tác quản lý và nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh.

Về nghiên cứu và ứng dụng KH&CN

Trong 30 năm qua, đã triển khai 487 đề tài, dự án, mô hình, trong đó: 326 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; 87 mô hình KH&CN; 15 dự án thuộc Chương trình nông thôn và miền núi và 59 dự án, mô hình được hỗ trợ; cơ cấu tỷ lệ các lĩnh vực: lĩnh vực tổng hợp, điều tra cơ bản và môi trường có 95 (chiếm 19,5%), lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp có 191 (chiếm 39%), lĩnh vực công nghiệp - xây dựng - công nghệ thông tin và kỹ thuật khác có 73 (chiếm 15%), lĩnh vực giáo dục - y tế có 14 (chiếm 3%), lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có 114 (chiếm 23,5%).

- Trong lĩnh vực điều tra cơ bản và bảo vệ môi trường đã điều tra, phúc tra, nghiên cứu, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu khoa học về hiện trạng: địa chất, tài nguyên khoáng sản, điều kiện tự nhiên thiên nhiên, đa dạng sinh học, khí hậu và thủy văn, nước dưới đất, chất lượng nước biển ven bờ, chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt, hệ sinh thái nước ngọt và lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, phòng môi trường không khí, phòng bức xạ, chất lượng không khí và các điều kiện vi khí hậu trong các hang động và đặc biệt đã cung cấp đầy đủ các luận cứ khoa học về các quá trình địa chất và đa dạng sinh học về Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng để được UNESCO công nhận Di sản Thiên nhiên thế giới hai lần theo hai tiêu chí: địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học; kết quả nghiên cứu khoa học đã góp phần



Sở KH&CN chuyển giao "Kết quả nghiên cứu và tài liệu khoa học và Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng" cho Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng năm 2003

xác định ngày càng rõ hơn điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề môi trường của địa phương phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lãnh thổ, xây dựng và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Trong số các đề tài nghiên cứu, nổi bật có các đề tài: Điều tra, nghiên cứu các đặc điểm địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng; Xây dựng Hồ sơ Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trình UNESCO; Điều tra, nghiên cứu tổng hợp địa chất và khoáng sản phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Bình; Thu thập và xử lý số liệu khí tượng thủy văn Quảng Bình từ năm 1956 đến năm 2005...

- Các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tập trung vào việc triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thiết bị, kiểm toán và tiết kiệm năng lượng..., đã tạo điều

kiện cho các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ tạo ra sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng, bia và nước khoáng...

Một số dự án tiêu biểu mang lại hiệu quả cao: dự án cải tạo thiết bị tháp sấy phun và đổi mới công nghệ từ công nghệ in lụa sang công nghệ in kỹ thuật số của Công ty CP Gốm sứ và Xây dựng Cosevco; Nhiệm vụ kiểm định, kiểm toán năng lượng và đề xuất các giải pháp đổi mới công nghệ nhằm đảm bảo quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình...

- *Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* chủ yếu tập trung nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn, tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất chất lượng cao; ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học, công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật, ứng dụng các kỹ thuật, quy trình mới trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm... đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích; tăng hiệu quả đầu tư và giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo; nổi bật có các đề tài nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa Xi23, X21, NX30, P6, HT1, TBR225, DT122, Nhị Ưu 838, AC5, QX3, QX8, SV181, SVN1, SV 46; giống ngô LVN 10, HN 88, CP 888, CP 989; giống Lạc MD 7, L14, L18; giống cao su RRIM712; RRIM600; các chủng giống nấm ăn và nấm dược liệu (nấm rơm, nấm sò, nấm kim phúc, nấm linh chi, nấm môi đen...); các loại cây dược liệu (cà gai leo, cây ba kích, sâm bố chính, kim tiền thảo); giống cây rừng nguyên liệu (BV10, BV16, BV32; U6, U7); cam Valencia không hạt; cam mật Hiền Ninh; cải tạo đàn bò địa phương bằng bò lai Sind, lai bò Brahman trắng, bò Droughmaster, bò BBB với bò cái Zebu; lợn siêu nạc, lợn 4 máu (Pe - Du - Land - York), lợn lai F1 giữa lợn Khùa và lợn đực rừng; dê Bách Thảo, thỏ New

Zealand, gà Tam Hoàng, gà Ai Cập siêu trứng, ngan Pháp, vịt siêu trứng, vịt Bầu Quý; sản xuất nhân tạo giống cá đối mực, sinh sản nhân tạo giống cá lăng chấm, sản xuất giống cua biển, nuôi tôm sú bằng công nghệ sinh học...; mô hình cánh đồng 50 triệu đồng/ha, mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI), các mô hình VietGap...

- *Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo* tập trung vào việc nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục học sinh; các chương trình phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ đào tạo. Các đề tài được đánh giá có tính ứng dụng cao trong lĩnh vực này như: Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý công tác tuyển sinh, xét tốt nghiệp và tổ chức các kỳ thi từ mầm non đến phổ thông tại tỉnh Quảng Bình...

- *Trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông* tập trung nghiên cứu và ứng dụng các chương trình phần mềm phục vụ quản lý điều hành của UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương... Nổi bật có đề tài: Nghiên cứu xây dựng Từ điển điện tử phương ngữ Bru Vân Kiều - Việt; Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan Đảng của tỉnh Quảng Bình...

- *Lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân* đã tập trung nghiên cứu nhiều lĩnh vực và chuyên khoa điều trị với các biện pháp can thiệp và các giải pháp khác nhau nhằm nâng cao chất lượng về dự phòng, khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số đề tài nghiên cứu được đánh giá có giá trị khoa học cao trong điều trị bệnh như: Nghiên cứu điều tra các yếu tố môi trường tại các địa phương có tỷ lệ người mắc bệnh ung thư cao trên địa bàn tỉnh; Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi và tìm hiểu các yếu tố liên quan tại tỉnh Quảng

Bình; Nghiên cứu tình hình nghiên cứu ma túy ở Quảng Bình - Thực trạng, nguyên nhân và những giải pháp phòng ngừa; Nghiên cứu dự báo nguy cơ bệnh mạch vành, tai biến mạch máu não ở bệnh nhân huyết áp cao ở tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu hội chứng chuyển hóa trên bệnh nhân tăng huyết áp tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới; Đặc biệt, đề tài nghiên cứu chất lượng thị giác sau ứng dụng đặt thể thủy tinh nhân tạo đa tiêu điều trị đục thể thủy tinh tại Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội Quảng Bình được đánh giá là một trong những giải pháp góp phần tạo những bước phát triển mang tính đột phá trong công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật chuyên ngành y tại địa bàn tỉnh, nghiên cứu của đề tài thực sự phù hợp với nhu cầu phát triển của chuyên ngành nhãn khoa trong giai đoạn hiện nay.

- *Khoa học xã hội và nhân văn* tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách về khoa học quản lý, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc ban hành các chủ trương, chính sách của tỉnh; nghiên cứu xác định rõ những giá trị lịch sử, văn hóa - xã hội, truyền thống cách mạng... làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa - xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh. Nổi bật có các đề tài: Địa chí Quảng Bình; Điều tra, sưu tầm lịch sử văn hoá Quảng Bình trước năm 1975; Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đánh giá, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghiên cứu biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số Quảng Bình, các giải pháp bảo tồn và phát huy; Thực trạng và giải pháp nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ đảng viên ở Đảng bộ Quảng Bình trước yêu cầu đổi mới và hội nhập; Lược sử Quảng Bình 410 năm hình thành và phát triển; Nghiên cứu các hình thức nghi lễ và giá trị văn hóa của lễ hội đua thuyền truyền thống ở

huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình...

Về quản lý công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp

Công tác quản lý các hoạt động chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ được thực hiện thường xuyên. Với việc loại bỏ dần các công nghệ lạc hậu, nhiều công nghệ tiên tiến và hiện đại đã được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp nhận và chuyển giao như: Công nghệ sản xuất nước khoáng (Italia) tại Công ty Cổ phần Nước khoáng Bang Lệ Thủy; Công nghệ sản xuất gạch men Ceramic (Italia) tại Công ty Cổ phần Gốm sứ Cosevco; Công nghệ sản xuất xi măng (Đức) tại Công ty Xi măng Sông Gianh, Văn Hóa; Công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt (Đức) tại Công ty Phát triển dự án Việt Nam; Công nghệ siêu tới hạn (Nhật Bản) tại Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch... Các công nghệ đưa vào thay thế, vận hành vừa tiên tiến, hiện đại, vừa đảm bảo các tiêu chí về hạn chế tối thiểu tác động về môi trường.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực đổi mới công nghệ và sản xuất sản phẩm mới, ngoài các chính sách chung, UBND tỉnh đã ban hành “Chương trình KH&CN phục vụ hội nhập giai đoạn 2006-2010” và “Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2020”. Các chính sách hỗ trợ này đã góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế và tham gia các loại hình giải thưởng chất lượng.

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân

Công tác an toàn bức xạ và hạt nhân luôn được chú trọng thông qua hoạt động kiểm tra, hướng dẫn công tác đảm bảo an toàn bức xạ tại

các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong toàn tỉnh. Đảm bảo 100% thiết bị liên quan bức xạ, hạt nhân được quản lý theo đúng quy định, bao gồm 56 thiết bị X-quang sử dụng tại 35 cơ sở y tế, 08 thiết bị X-quang dùng trong công nghiệp và 06 nguồn phóng xạ dùng trong công nghiệp và thử nghiệm.

Hoạt động đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ luôn được chú trọng và ngày càng đi vào chiều sâu như xây dựng, ban hành, tuyên truyền, hướng dẫn xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức và cá nhân. Tính đến nay, đã có hàng trăm nhãn hiệu được bảo hộ cho các sản phẩm sản xuất công nghiệp và truyền thống của các địa phương.

Nhằm thúc đẩy các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong các tầng lớp người lao động, UBND tỉnh đã ban hành “Điều lệ sáng kiến tỉnh Quảng Bình” và từ năm 2005 đến nay đã tổ chức 8 kỳ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh với 382 giải pháp tham dự của hàng trăm tổ chức, cá nhân dự thi, trong đó có 02 giải pháp đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền sáng chế, 01 giải pháp đoạt giải Nhì Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc. Nhiều giải pháp kỹ thuật đã mang lại hiệu quả thiết thực, có giá trị lớn.

Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát động phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật trên địa bàn tỉnh và đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực.

Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Trong 30 năm qua, hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã có nhiều đóng góp tích cực phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội trên địa bàn của tỉnh; ổn định và nâng cao chất lượng các sản phẩm hàng hóa chủ yếu ở địa phương; góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trên thị trường; đảm bảo đo lường được chính xác trong các lĩnh vực mua bán, giao nhận, an toàn

lao động, chăm sóc sức khỏe và bảo vệ môi trường; tạo môi trường kinh doanh lành mạnh và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng; thể hiện ở một số kết quả nổi bật như: Hướng dẫn, phổ biến 1.200 tiêu chuẩn, quy chuẩn các loại; kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm hàng hóa với 1.100 lượt và 49.000 sản phẩm. Hỗ trợ nhiều doanh nghiệp tiếp cận xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO/IEC 17025, SA8000... đến nay ở tỉnh Quảng Bình đã có trên 50 doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến quốc tế. Nhiều sản phẩm hàng hóa được sản xuất ở địa phương có chất lượng cao và khả năng cạnh tranh lớn như: Xi măng Sông Gianh, gạch Ceramic, phân bón Sông Gianh, nước khoáng Bang, nước mắm Quy Đức...

Việc triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào các cơ quan hành chính phục vụ chương trình cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Đến nay đã có 100% cơ quan hành chính áp dụng ISO và đang từng bước cải thiện và phát huy hiệu quả trong việc rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân.

Hoạt động sự nghiệp kỹ thuật về đo lường thử nghiệm không ngừng được phát triển và cơ bản đáp ứng yêu cầu về kiểm định, hiệu chuẩn đo lường, phân tích, thử nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng phục vụ tốt công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh; Năng lực kỹ thuật phân tích thử nghiệm chất lượng, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường luôn được phát triển và nâng cao. Hiện nay đã phân tích thử nghiệm chất lượng được trong các lĩnh vực: nước, không khí, đất, lương thực, thực phẩm, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, cơ khí, điện, áp lực, vật liệu xây dựng, địa kỹ

thuật, địa công trình, vàng, bạc và trang sức mỹ nghệ...; kiểm định hiệu chuẩn đo lường được trong các lĩnh vực: khối lượng, dung tích, lưu lượng, độ dài, áp suất, nhiệt độ, điện - điện tử, an toàn bức xạ hạt nhân, kỹ thuật an toàn lao động, trang thiết bị y tế...

Trong thời gian qua, đã thực hiện thử nghiệm trên 310.528 mẫu các loại về các lĩnh vực hoá sinh, môi trường, cơ, điện và vật liệu xây dựng và kiểm định và hiệu chuẩn trên 255.000 lượt phương tiện đo lường các loại. Hiện nay khả năng phân tích thử nghiệm chất lượng đạt 20.000 mẫu/năm, kiểm định hiệu chuẩn đo lường đạt 10.000 phương tiện đo/năm.

Hoạt động thông tin và truyền thông, hội nghị, hội thảo KH&CN

Thông qua các hình thức thông tin, truyền thông đa dạng như: Thư viện điện tử, Trang thông tin điện tử Sở KH&CN; các chuyên mục KH&CN định kỳ hàng tháng trên sóng phát thanh và truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình, xuất bản Tạp chí Thông tin KH&CN định kỳ 2 tháng 1 số với 500 bản/số, hoạt động thông tin và truyền thông KH&CN Quảng Bình đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển KH&CN của Đảng và Nhà nước; phổ biến tri thức KH&CN, thúc đẩy chuyển giao và nhân rộng kết quả KH&CN, xây dựng nguồn lực thông tin về KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà; góp phần nâng cao dân trí và tạo cầu nối để đưa ứng dụng tiến bộ KH&CN đi vào đời sống.

Tổ chức các Hội thảo khoa học Quốc gia về: Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình; Quảng Bình 410 năm hình thành và phát triển; Danh nhân Quảng Bình; Minh Hóa với phong trào Cần Vương; Bác Hồ với Quảng Bình và Quảng Bình làm theo lời Bác; Các giải pháp nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững cây cao su trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Các hội thảo khoa học chuyên

ngành trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Xuất bản một số ấn phẩm quan trọng như: Cấu trúc Địa chất Quảng Bình, Quảng Bình - Tài nguyên Khoáng sản, Khí hậu và Thủy văn tỉnh Quảng Bình, Quảng Bình - Điều kiện tự nhiên và thiên nhiên, Phong Nha - Kẻ Bàng từ tư liệu tổng quan, Lịch sử Quảng Bình, Quảng Bình - 410 năm hình thành và phát triển, Danh nhân Quảng Bình, Cổ tự Hoàng Phúc - Vô Song Phúc Địa; Quảng Bình Khoa lục và nhiều ấn phẩm và kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành khác...

Hoạt động thanh tra KH&CN

Đã tiến hành thanh tra 3.424 lượt cơ sở, phát hiện 614 cơ sở vi phạm, phạt cảnh cáo 456 cơ sở và xử phạt bằng tiền 158 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 780.352.000 đồng. Bên cạnh đó, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được triển khai kịp thời. Sở KH&CN đã tiếp nhận hơn 200 đơn thư khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ và đã giải quyết theo đúng pháp luật. Kết quả công tác thanh tra KH&CN đã góp phần quan trọng trong đấu tranh phòng ngừa vi phạm pháp luật, giữ vững kỷ cương pháp luật trong lĩnh vực KH&CN, ổn định tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

Về hợp tác quốc tế

Phối hợp với Bộ KH&CN tổ chức thành công giao lưu hữu nghị Việt - Lào, giữa Bộ KH&CN hai nước nhân dịp “Năm Đoàn kết Hữu nghị Việt Nam - Lào 2012”; “Kỷ niệm 35 năm ngày Ký Hiệp ước Hữu nghị Hợp tác và 50 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào”.

Phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Khăm Muộn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tổ chức thực hiện đề tài hợp tác quốc tế theo Nghị định thư: “Điều tra đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, xây dựng luận cứ khoa học hợp tác phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường khu vực biên giới quốc gia chung cửa khẩu Cha Lo - Lăng Khăng thuộc

địa phận tỉnh Quảng Bình và Khăm Muộn”. Nghiên cứu mối quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt giữa Quảng Bình và Khăm Muộn, Savannakhet (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) giai đoạn từ năm 1954-2000.

Phối hợp với các trường đại học trong và ngoài nước tổ chức Hội nghị Quốc tế VietGeo 2018 “Địa kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững cơ sở hạ tầng”.

Tóm lại, KH&CN đã góp phần cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đào tạo và nâng cao trình độ nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc và các giá trị lịch sử, văn hóa và truyền thống của dân tộc; góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung KH&CN vẫn còn một số mặt hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội, như: Tiềm lực KH&CN chưa đáp ứng yêu cầu, năng lực KH&CN còn hạn chế; đầu tư của xã hội cho KH&CN còn rất thấp, đặc biệt là đầu tư từ khu vực doanh nghiệp; chất lượng một số đề tài nghiên cứu khoa học và khả năng ứng dụng vào thực tiễn chưa cao; cơ chế cơ chế tài chính và cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo; việc nghiên cứu đề xuất đặt hàng chưa sâu sát thị trường, đặc biệt là việc nghiên cứu những vấn đề có tính đột phá để khai thác tiềm năng, thế mạnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà; chưa tạo được mối liên kết 4 nhà: Nhà khoa học - Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông, nên sản phẩm hoạt động nghiên cứu KH&CN chưa thực sự đi sâu vào thực tiễn đời sống sản xuất; các cơ chế chính sách

khuyến khích đưa tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do KH&CN chưa được xem là nhân tố quan trọng quyết định tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế; đầu tư của xã hội cho KH&CN, đặc biệt là từ các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; tốc độ đổi mới công nghệ chậm; cơ chế quản lý KH&CN còn nhiều bất cập, thiếu cơ chế, chính sách hữu hiệu để gắn kết giữa KH&CN với sản xuất - kinh doanh và khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN; chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và đãi ngộ cán bộ khoa học có nhiều bất cập; cơ sở vật chất, kỹ thuật tuy đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển của KH&CN.

Để hoạt động KH&CN thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian tới cần tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, nâng cao năng lực KH&CN, phấn đấu đưa KH&CN thực sự trở thành nền tảng và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ và của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, cụ thể cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong hoạt động KH&CN; hoàn thiện và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH&CN của cơ quan quản lý KH&CN các cấp; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động KH&CN; hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN để đưa hoạt động KH&CN đi vào nề nếp, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để từng bước tạo lập và phát triển thị trường KH&CN.

Thứ hai, xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN, trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN;

phải coi trọng bồi dưỡng nguồn năng lực nội sinh để trong một tương lai gần, đội ngũ cán bộ KH&CN tỉnh nhà đủ sức giải quyết những nhiệm vụ KH&CN trọng tâm của tỉnh.

Tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị theo hướng hiện đại, độ chính xác cao, đáp ứng đầy đủ các lĩnh vực theo nhu cầu xã hội cho các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm công lập đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, đồng thời để phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện xã hội hoá một số hoạt động KH&CN; huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển KH&CN, đặc biệt là từ doanh nghiệp. Tăng đầu tư của Nhà nước cho KH&CN bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm.

Thứ ba, gắn hoạt động KH&CN với yêu cầu thực tiễn của cuộc sống nhằm phục vụ thiết thực việc hoạch định các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội và quốc phòng - an ninh của tỉnh. Thực hiện tốt việc thẩm định công nghệ và các luận cứ khoa học đối với các dự án đầu tư và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, hoạt động KH&CN phải hướng tới việc hỗ trợ các doanh nghiệp hội nhập, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. KH&CN phải có trách nhiệm hướng dẫn giúp đỡ, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật và các thành tựu KH&CN, xác lập quyền sở hữu tài sản trí tuệ, khai thác thông tin KH&CN và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo đo lường nhằm không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường phục vụ hội nhập thành công.

Tổ chức triển khai hoạt động thông báo và hỏi đáp theo Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới WTO phục vụ doanh nghiệp. Cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch... để không ngừng đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, đủ năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển bền vững và hội nhập thành công.

Thứ năm, tăng cường mở rộng hợp tác khoa học với các tổ chức khoa học, công nghệ ở Trung ương và tổ chức quốc tế để tranh thủ chuyển giao, ứng dụng những tiên bộ khoa học mới, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, đồng thời qua đó tranh thủ học tập kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ KH&CN địa phương. Xây dựng cơ chế liên kết 4 nhà: Nhà khoa học - Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông để đưa sản phẩm hoạt động nghiên cứu KH&CN vào sản xuất và đời sống xã hội.

Thứ sáu, đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phong trào thi đua lao động sáng tạo trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng các thành tựu KH&CN, các giải pháp kỹ thuật tiên tiến vào công tác, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, đặc biệt là trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, cải cách hành chính, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân.

Thứ bảy, cần tạo lập môi trường dân chủ trong khoa học cho trí thức KH&CN phát huy hết trí lực để sáng tạo KH&CN. Phát huy có hiệu quả chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội của trí thức KH&CN, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật, các hội khoa học chuyên ngành và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp đối với các quy hoạch, chương trình kinh tế - văn hoá - xã hội, các chương trình dự án lớn của tỉnh ■